TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 09/3/2020
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **LÝ MINH HÙNG**
2. Ông **NGUYỄN VĂN DỰC**

-Thư ký phiên tòa: Ông **TRẦN MINH CƯỜNG** - Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 09 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 802/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **NGUYỄN ÁNH M**, sinh năm 1991 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **PHẠM VĂN HOÀNG A**, sinh năm 1984 (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 18/11/2019 và lời khai tại Toà, nguyên đơn chị Nguyễn Ánh M trình bày:

Do quen biết nên chị và anh Hoàng A xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống thường xuyên tranh cãi, anh Hoàng A không quan tâm gia đình. Vào năm 2016, 2017 chị có nộp đơn xin ly hôn anh Hoàng A tại Tòa án nhân dân huyện C nhưng chị đều rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng đến nay vẫn không hiệu quả. Hiện vợ chồng sống chung nhà nhưng đã ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Nay chị cương quyết xin ly hôn anh Hoàng A.

Con chung: Có một cháu tên Phạm Ngọc Thảo Q, sinh ngày 06/8/2008. Hiện đang sống chung gia đình. Chị yêu cầu được nuôi cháu, không yêu cầu anh Hoàng A cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Đều không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn Hoàng A không có văn bản có ý kiến và vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên. Bị đơn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Anh Phạm Văn Hoàng A vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh Hoàng A.

Về nội dung:

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Tại phiên toà, chị M trình bày do quen biết nên chị và anh Hoàng A xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Sau khi cưới, anh chị chỉ sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm vợ chồng hay cãi vã và anh Hoàng A không lo gia đình. Mặc dù, anh chị sống chung nhà nhưng thực tế đã ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Nay chị cương quyết yêu cầu ly hôn anh Hoàng A. Xét thấy, cho chị M được ly hôn anh Hoàng A là có cơ sở. Bởi lẽ, từ khi ly thân tới nay anh chị cũng không có phương án nào để hàn gắn xây dựng tổ ấm chăm sóc con nhỏ và tại phiên tòa hôm nay chị khẳng định không còn tình cảm vợ chồng với anh Hoàng A. Đồng thời, vào thời điểm năm 2016 và năm 2017, chị M đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Hoàng A tại Tòa án nhân dân huyện C nhưng đều rút lại đơn để vợ chồng đoàn tụ, có thời gian sắp xếp gia đình nhưng đến nay vợ chồng vẫn không thể nào sum họp được. Thêm vào đó, quá trình thụ lý vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh Hoàng A để đảm bảo quyền nêu ý kiến của anh, cũng như hoà giải để anh chị đoàn tụ nhưng anh Hoàng A vẫn không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không lý do. Chứng tỏ, anh cố tình từ bỏ quyền phản đối, quyền chứng minh của mình và thể hiện anh không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân của anh và chị M, nên không có biện pháp nào để hàn gắn, đoàn tụ được. Do đó, cuộc sống hôn nhân của anh chị đã thật sự đổ vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị M là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Có một cháu tên Phạm Ngọc Thảo Q, sinh ngày 06/8/2008, hiện đang sống chung gia đình. Xét thấy, giao con chung cho chị M nuôi là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, cháu Q có mong muốn được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn và bản thân chị M cũng có đủ điều kiện về kinh tế, thời gian để chăm sóc con chung. Đồng thời, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh Hoàng A cũng không có văn bản ý kiến hay yêu cầu gì liên quan việc chị M yêu cầu được nuôi con như trên. Từ đó, đáp ứng nguyện vọng cũng như đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung nên giao cháu Q cho chị M nuôi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị M không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét là phù hợp.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:* Tại Tòa, chị M xác định tài sản chung và nợ chung đều không có cũng như anh Hoàng A không có văn bản ý kiến hay yêu cầu gì liên quan đến vấn đề này sau khi Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nên không đặt ra giải quyết là có căn cứ.

[6] *Về án phí:* Chị M phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Ánh M. Cho chị Nguyễn Ánh M được ly hôn anh Phạm Văn Hoàng A.

Về con chung: Giao cháu tên Phạm Ngọc Thảo Q, sinh ngày 06/8/2008 cho chị M nuôi. Anh Hoàng A không phải cấp dưỡng nuôi con do chị M không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh Hoàng A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Đều không có nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Ánh M phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai số 0002705 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên xem như thi hành xong.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Tiền Giang;*
- *VKSND huyện C*;
- *Chi cục THADS huyện C;*
- *UBND xã Đ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA